

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

1 M C

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 31

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Viêt Muôn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Đình Long	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Quốc Khánh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trà My	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Khắc Hải	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số A01-05/2018/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2018.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 8.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61063721/20263958-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đoàn Thị Thu Thủy  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1070-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>211.670.442.116</b>	<b>188.281.513.663</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>35.881.110.315</b>	<b>7.914.044.578</b>
111	1. Tiền		1.328.371.873	7.914.044.578
112	2. Các khoản tương đương tiền		34.552.738.442	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>175.374.789.712</b>	<b>179.801.466.556</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	24.311.743.892	37.803.452.517
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	636.279.874	225.838.046
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	16	154.000.000.000	154.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	11.623.835.860	2.969.245.907
137	5. Dự phòng phải thu khó đòi	5	(15.197.069.914)	(15.197.069.914)
<b>150</b>	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>414.542.089</b>	<b>566.002.529</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		57.083.067	208.543.507
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		328.339.447	328.339.447
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10	29.119.575	29.119.575
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.024.305.586.778</b>	<b>2.024.899.967.264</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>89.200.000</b>	<b>89.200.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	89.200.000	89.200.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>7</b>	<b>10.272.629.849</b>	<b>10.753.156.558</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		10.272.629.849	10.753.156.558
222	Nguyên giá		21.202.823.457	21.156.824.457
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.930.193.608)	(10.403.667.899)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>2.009.254.808.000</b>	<b>2.009.254.808.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.999.800.000.000	1.999.800.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		9.454.808.000	9.454.808.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.688.948.929</b>	<b>4.802.802.706</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		167.672.408	281.526.185
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15.3	4.521.276.521	4.521.276.521
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.235.976.028.894</b>	<b>2.213.181.480.927</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>18.230.643.665</b>	<b>18.304.057.037</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>18.230.643.665</b>	<b>18.304.057.037</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	291.137.109	535.734.014
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	24.038.769	268.658.191
314	4. Phải trả người lao động		11.863.687	7.863.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		472.886.960	1.472.563.341
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	11	4.408.054.696	3.140.952.401
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.814.353.545	12.669.976.504
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.217.745.385.229</b>	<b>2.194.877.423.890</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>12</b>	<b>2.217.745.385.229</b>	<b>2.194.877.423.890</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.202.016.300.000	1.177.236.300.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.202.016.300.000	1.177.236.300.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.020.651.143.351	1.021.071.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(350.000.000)	(561.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(16.085.856.390)	(14.382.817.729)
421a	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(16.382.817.729)	7.900.020.265
421b	- Lợi nhuận sau thuế (lỗ) chưa phân phối kỳ này		296.961.339	(22.282.837.994)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.235.976.028.894</b>	<b>2.213.181.480.927</b>



Nguyễn Thị Nga  
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VND

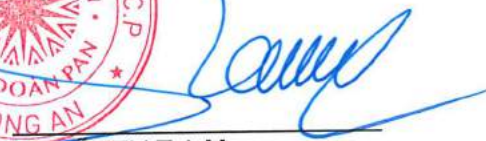
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ		-	18.000.000
20	2. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		-	18.000.000
21	3. Doanh thu hoạt động tài chính	13	10.036.337.825	12.694.400.921
22	4. Chi phí tài chính		(51.958.213)	(45.237.250)
26	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14	(9.687.418.273)	(9.675.674.856)
30	6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		296.961.339	2.991.488.815
50	7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		296.961.339	2.991.488.815
51	8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.1	-	-
60	9. Lợi nhuận sau thuế TNDN		296.961.339	2.991.488.815



Nguyễn Thị Nga  
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>296.961.339</b>	<b>2.991.488.815</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	7	526.525.709	532.239.692
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.036.337.825)	(12.694.400.921)
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(9.212.850.777)</b>	<b>(9.170.672.414)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		13.397.419.310	2.077.115.503
11	Giảm các khoản phải trả		(1.529.181.667)	(856.330.213)
12	Giảm chi phí trả trước		265.314.217	396.407.060
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(703.231.705)	(881.168.579)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.217.469.378</b>	<b>(8.434.648.643)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	7	(45.999.000)	(1.428.899.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(103.206.947.869)	(179.610.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		103.206.947.869	179.610.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.065.595.359	5.643.402.215
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>1.019.596.359</b>	<b>4.214.503.215</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		25.080.000.000	-
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(350.000.000)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>24.730.000.000</b>	<b>-</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		27.967.065.737	(4.220.145.428)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.914.044.578	103.124.965.180
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	35.881.110.315	98.904.819.752



Nguyễn Thị Nga  
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 15 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 18).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 2 công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 8.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 8.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

### 2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

**3.5 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.7 Thuế hoạt động**

Các khoản tiền thuế theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.10 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.11 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.12 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Thu nhập tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.14 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản phải trả khác.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	39.902.000	37.976.400
Tiền gửi ngân hàng	1.288.469.873	7.876.068.178
Các khoản tương đương tiền (*)	34.552.738.442	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.881.110.315</u></b>	<b><u>7.914.044.578</u></b>

(\*) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn có thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	24.311.743.892	37.803.452.517
Dự phòng giảm giá phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(15.197.069.914)	(15.197.069.914)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>9.114.673.978</u></b>	<b><u>22.606.382.603</u></b>

**5.2 Trả trước cho người bán**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho các bên khác	306.279.874	225.838.046
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 16)	330.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>636.279.874</u></b>	<b><u>225.838.046</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu cổ tức được chia	7.443.400.000	-
Lãi dự thu từ cho vay	3.636.821.918	2.109.479.452
Ký quỹ	447.248.666	447.248.666
Tạm ứng nhân viên	96.365.276	140.749.239
Khác	-	271.768.550
	<u>11.623.835.860</u>	<u>2.969.245.907</u>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ	<u>89.200.000</u>	<u>89.200.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>11.713.035.860</b></u>	<u><b>3.058.445.907</b></u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 16)</i>	11.597.803.918	2.886.942.002
<i>Phải thu khác từ bên khác</i>	115.231.942	171.503.905

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND			
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	13.778.633.885	6.925.609.422	452.581.150	21.156.824.457
Mua mới	-	-	45.999.000	45.999.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>13.778.633.885</u>	<u>6.925.609.422</u>	<u>498.580.150</u>	<u>21.202.823.457</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.256.809.102	1.660.440.540	347.882.150	5.265.131.792
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.512.377.456	2.491.613.955	399.676.488	10.403.667.899
Khấu hao trong kỳ	253.669.764	259.510.182	13.345.763	526.525.709
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>7.766.047.220</u>	<u>2.751.124.137</u>	<u>413.022.251</u>	<u>10.930.193.608</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	<u>6.266.256.429</u>	<u>4.433.995.467</u>	<u>52.904.662</u>	<u>10.753.156.558</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>6.012.586.665</u>	<u>4.174.485.285</u>	<u>85.557.899</u>	<u>10.272.629.849</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 8.1)	1.999.800.000.000	1.999.800.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 8.2)	9.454.808.000	9.454.808.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.009.254.808.000</u></b>	<b><u>2.009.254.808.000</u></b>

**8.1 Đầu tư vào công ty con**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (i)	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000	99,99
Công ty Cổ phần PAN Farm (ii)	999.900.000.000	81,92	999.900.000.000	81,92
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.999.800.000.000</u></b>		<b><u>1.999.800.000.000</u></b>	

- (i) Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại địa chỉ: Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.
- (ii) Công ty Cổ phần PAN Farm là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0107519768 do SKHĐT Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

**8.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	5.000.000.000	20	5.000.000.000	20
Công ty TNHH Liên Thái Bình	4.454.808.000	20	4.454.808.000	20
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.454.808.000</u></b>		<b><u>9.454.808.000</u></b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả cho các bên khác	272.600.859	316.025.058
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 16)	<u>18.536.250</u>	<u>219.708.956</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>291.137.109</u></b>	<b><u>535.734.014</u></b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thuế thu nhập cá nhân	268.658.191	807.840.842	(1.052.460.264)	24.038.769
Khác	<u>(29.119.575)</u>	<u>4.000.000</u>	<u>(4.000.000)</u>	<u>(29.119.575)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>239.538.616</u></b>	<b><u>811.840.842</u></b>	<b><u>(1.056.460.264)</u></b>	<b><u>(5.080.806)</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải nộp</i>	268.658.191			24.038.769
<i>Phải thu</i>	<u>(29.119.575)</u>			<u>(29.119.575)</u>

**11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	100.614.075	92.780.075
Khác	<u>4.307.440.621</u>	<u>3.048.172.326</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.408.054.696</u></b>	<b><u>3.140.952.401</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Cho bên liên quan     (Thuyết minh số 16)</i>	360.000.000	300.000.000
<i>Cho các bên khác</i>	<u>4.048.054.696</u>	<u>2.840.952.401</u>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 12.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.023.724.970.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	167.044.674.738	2.222.793.586.357
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.991.488.815	2.991.488.815
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.633.324.473)	(5.633.324.473)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.023.724.970.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	164.402.839.080	2.220.151.750.699

#### Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.177.236.300.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	(14.382.817.729)	2.194.877.423.890
Tăng vốn trong năm (*)	24.780.000.000	(420.000.000)	561.000.000	-	-	24.921.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(350.000.000)	-	-	(350.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	296.961.339	296.961.339
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	1.202.016.300.000	1.020.651.143.351	(350.000.000)	11.513.798.268	(16.085.856.390)	2.217.745.385.229

(\*) Vào ngày 15 tháng 1 năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành 2.478.000 cổ phiếu và tái phát hành 30.000 cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông, việc niêm yết bổ sung đã được chấp thuận bởi Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 vào ngày 4 tháng 7 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**12.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu kỳ và	1.177.236.300.000	1.023.724.970.000
Tăng trong năm	24.780.000.000	-
Số cuối kỳ	<b>1.202.016.300.000</b>	<b>1.023.724.970.000</b>

**12.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
	Số cổ phần	Số cổ phần
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>120.201.630</b>	<b>117.723.630</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	120.201.630	117.723.630
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(35.000)	(30.000)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	120.166.630	117.693.630

**13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Cổ tức được chia	7.780.400.000	6.724.000.000
Lãi cho vay	2.251.254.571	5.796.955.854
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.683.254	173.445.067
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.036.337.825</b>	<b>12.694.400.921</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 16)	10.031.654.571	10.141.336.632
Doanh thu đối với bên khác	4.683.254	2.553.064.289



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.671.434.044	4.729.796.608
Chi phí lương	4.330.701.084	4.159.398.706
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 7</i> )	526.525.709	532.239.692
Chi phí khác	158.757.436	254.239.850
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.687.418.273</u></b>	<b><u>9.675.674.856</u></b>

**15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**15.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>296.961.339</u></b>	<b><u>2.991.488.815</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	59.392.268	598.297.763
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	246.811.419	104.558.887
Cổ tức	(1.556.080.000)	(1.344.800.000)
Lỗi tính thuế chuyển sang các kỳ sau	1.249.876.313	641.943.350
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**15.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**15.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

		VND			
		<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>					
Dự phòng nợ phải thu khó đòi					
		4.521.276.521	4.521.276.521	-	-

**15.4 Lỗ chuyển sang các kỳ sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh lỗ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 21.119.418.990 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 14.870.037.424 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		VND			
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
2017	2022	14.870.037.424	-	-	14.870.037.424
6 tháng năm 2018	2023	6.249.381.566	-	-	6.249.381.566
		<b>21.119.418.990</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.119.418.990</b>

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Tiền chi cho hoạt động đầu tư Lãi từ hoạt động đầu tư Phí tư vấn chuyển nhượng khoản đầu tư	103.206.947.869 723.912.105 132.000.000	179.610.000.000 2.608.021.563 -
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông	Chi phí thuê văn phòng Ký quỹ ngắn hạn	- -	1.265.616.064 61.744.000
Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam	Bên liên quan	Chi phí thuê văn phòng	1.564.230.104	-
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ tư vấn	224.000.000	678.940.400
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Lãi tiền gửi dự thu Mua hàng hóa Doanh thu cho thuê xe	1.527.342.466 174.897.790 -	809.315.069 322.481.600 18.000.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Chi phí thuê văn phòng	327.600.000	327.600.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	6.184.800.000	5.187.000.000
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.595.600.000	1.537.000.000
Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	16.209.750	17.000.000

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>VND</b>				
<b>Phải thu khác</b>				
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức được chia	1.258.600.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức được chia	6.184.800.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Phải thu lãi cho vay Chi hộ	3.636.821.918	2.109.479.452 36.960.000
Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam	Bên liên quan	Đặt cọc thuê văn phòng	438.382.000	438.382.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	70.045.250
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	49.481.667
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	27.486.800
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	21.120.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	Bên liên quan	Chi hộ	-	18.452.000
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	17.612.833
Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	12.320.000
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty liên kết	Chi hộ	-	3.850.000
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Bên liên quan	Chi hộ	-	2.552.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
			<b>11.597.803.918</b>	<b>2.886.942.002</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
VND				
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay	154.000.000.000	154.000.000.000
Đây là khoản cho vay tín chấp đến hạn vào ngày 28 tháng 12 năm 2018 và hưởng lãi suất 2%/năm.				
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Biên liên quan	Phí dịch vụ tư vấn	330.000.000	-
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl	Công ty con gián tiếp	Chi phí mua hàng	16.209.750	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Chi phí mua hàng	2.326.500	-
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Biên liên quan	Phí dịch vụ tư vấn	-	219.708.956
			<b>18.536.250</b>	<b>219.708.956</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao	360.000.000	300.000.000
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:				
VND				
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
			1.407.727.272	1.260.000.000
			1.300.000.000	550.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.707.727.272</b>	<b>1.810.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dưới 1 năm	2.630.292.000	2.915.028.000
Từ 1 đến 5 năm	224.959.184	3.935.316.178
Trên 5 năm	-	6.726.217.105
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.855.251.184</u></b>	<b><u>13.576.561.283</u></b>

**18. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và cho vay ngắn hạn của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	<i>VND</i>
	<i>Dưới 1 năm</i>
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	
Phải trả người bán ngắn hạn	291.137.109
Chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác	195.386.960
	<b><u>486.524.069</u></b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	
Phải trả người bán ngắn hạn	535.734.014
Chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác	164.875.341
	<b><u>700.609.355</u></b>

***Tài sản đảm bảo***

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Ngày 31 tháng 6 năm 2018		Ngày 30 tháng 6 năm 2018		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	24.311.743.892	(15.197.069.914)	37.803.452.517	(15.197.069.914)	9.114.673.978
- Phải thu từ các bên khác	24.311.743.892	(15.197.069.914)	37.803.452.517	(15.197.069.914)	9.114.673.978
- Phải thu từ bên liên quan	-	-	-	-	-
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	154.000.000.000	-	154.000.000.000	-	154.000.000.000
Phải thu khác	11.616.670.584	-	2.917.696.668	-	11.616.670.584
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.881.110.315	-	7.914.044.578	-	35.881.110.315
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>225.809.524.791</b>	<b>(15.197.069.914)</b>	<b>202.635.193.763</b>	<b>(15.197.069.914)</b>	<b>187.438.123.849</b>

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 30 tháng 6 năm 2018		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán ngắn hạn	291.137.109	535.734.014	291.137.109	535.734.014	535.734.014
Phải trả ngắn hạn khác	195.386.960	164.875.341	195.386.960	164.875.341	164.875.341
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>486.524.069</b>	<b>700.609.355</b>	<b>486.524.069</b>	<b>700.609.355</b>	<b>700.609.355</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, các khoản phải trả người bán ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu ngắn hạn được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

**20. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Thị Nga  
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Trà My  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018